

Số: **2463** /BC-VNBC

Hạ Long, ngày **8** tháng 4 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN**  
**NĂM 2019**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin.
- Tên giao dịch quốc tế : Vinacomin - NuiBeo Coal Joint Stock Company.
- Tên viết tắt : VNBC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5700101700 cấp lần thứ 11 ngày 30/9/2015 tại Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh
- Vốn điều lệ : 369.991.240.000 đồng (Ba trăm sáu chín tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Vốn chủ sở hữu (31/12/2018): 495.900.631.708 (Bốn trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm triệu, sáu trăm ba mươi một ngàn, bốn trăm linh tám đồng).
- Địa chỉ : 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại : (84.0203) 3825 220
- Fax : (84.0203) 3625 270
- Website : www.nuibeo.com.vn
- Email : giaodich@nuibeo.com.vn
- Mã cổ phiếu : NBC

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

a) Việc thành lập:

- Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin, tiền thân là Mỏ than Núi Béo được thành lập ngày 7/11/1988 trên cơ sở thoả thuận giữa hai chính phủ: Việt Nam và Liên bang Xô Viết, do Viện Ghiprôsat thiết kế năm 1983. Khu vực khai thác chính của Công ty nằm trên địa bàn hai phường Hà Tu và Hà Trung; Phía Đông và Bắc tiếp giáp Mỏ than Hà Tu; Phía Tây tiếp giáp Mỏ than Hà Lâm; Phía Nam giáp đường Quốc lộ 18A. Theo thiết kế gốc của Viện Ghiprôsat - Liên Xô, tổng trữ lượng than trong biên giới khai thác mỏ là:  $\approx 32$  triệu tấn, đất bóc tổng số là: 145,7 triệu m<sup>3</sup> và hệ số bóc trung bình cả đời mỏ là: 4,55 m<sup>3</sup>/tấn. Trong giai đoạn phát triển ổn định mỏ sẽ khai thác với công suất tối đa là 1,2 triệu tấn/năm. Trong đó khu vực Vía 11: 900.000 tấn/năm; Khu vực Vía 14: 300.000 tấn/năm.

- Chỉ hơn 7 tháng chuẩn bị, ngày 19/5/1989, nhân kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác Hồ, tại Vía 14 Công ty đã xúc gàu đất đầu tiên.



*\* Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1995:*

- Ra đời trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, cũng là giai đoạn Liên Xô tan rã và cắt mọi viện trợ, vì vậy, sau 2 năm bóc đất xây dựng cơ bản, Mỏ than Núi Béo bắt đầu quá trình xây dựng và phát triển với số vốn ít ỏi gần 20 tỷ đồng, thiết bị chính chỉ vụn vụn có 02 máy xúc EKG, 02 máy khoan xoay cầu, 02 xe gạt T170 và một số thiết bị nhỏ lẻ...

- Bắt tay vào khai thác được hơn một năm, cán bộ công nhân viên Mỏ Núi Béo lại phải đối mặt với một khó khăn, trở ngại tưởng như không thể vượt qua, đó là tình hình chất lượng tài nguyên khai thác. Tuy đã bóc đến khu vực gập vỉa than, nhưng chất lượng than xấu đến mức không thể lọc ra được cám 6 và đã bắt buộc phải dừng khai thác ở Vĩa 14 để quay sang mở vỉa, tập trung khai thác ở khu vực Vĩa 11.

- Chính vì những khó khăn trên, cùng với những khó khăn về thị trường tiêu thụ và công tác đầu tư nên giai đoạn 1989 - 1995 mỏ hầu như không phát triển được. Đến hết năm 1995 mới chỉ đạt sản lượng khai thác: 175.000 tấn/năm, doanh thu: 32,6 tỷ đồng, nợ ngân hàng  $\approx$  30 tỷ đồng, thu nhập công nhân thấp. Trong tình trạng bế tắc đã có lúc tưởng chừng phải nhập vào một mỏ khác.

*\*Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006:* Tháng 6 năm 1996 (gần 02 năm sau khi Tổng Công ty Than Việt Nam ra đời), Mỏ than Núi Béo được tách khỏi Công ty Than Hòn Gai và trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 06/5/1996 của Chính phủ; Quyết định số 2603/QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; Quyết định số 886-TVN/HĐQT ngày 27/5/1996 của HĐQT TVN; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 110950 do Ủy ban Kế hoạch Quảng Ninh cấp ngày 15/10/1996. Đây là bước ngoặt quan trọng khẳng định sự phát triển đi lên của Mỏ (thời điểm này, Mỏ than Núi Béo đến nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin thực sự có những bước tiến phát triển vượt bậc và có cơ hội tự khẳng định mình qua sự đổi mới cách nghĩ, cách làm. Qua từng năm, Công ty đều hoàn thành toàn diện kế hoạch, các chỉ tiêu đạt được năm sau cao hơn năm trước; cơ sở vật chất kỹ thuật, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng).

b) Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần: Thực hiện Quyết định số 3936/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc: Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo, Công ty Than Núi Béo đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/04/2006. Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty có vốn điều lệ là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỉ đồng); Trong đó phần vốn Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nắm giữ 51% vốn điều lệ; cổ đông trong Công ty nắm giữ 29% và phần còn lại 20% do các cổ đông ngoài Công ty nắm giữ.

c) Niêm yết: Công ty niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là: "NBC".





d) Tăng vốn điều lệ: Công ty đã 04 lần tăng vốn điều lệ, từ 60 tỷ đồng vốn điều lệ ban đầu lên 370 tỷ đồng (Số làm tròn) như hiện nay. Trong đó: <sup>(1)</sup>Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn tích lũy (280 tỷ đồng), phát hành chứng khoán, bán cho các cổ đông hiện hữu (30 tỷ đồng).

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác và thu gom than non (0520).
- Xây dựng công trình công ích (4220).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (2511).
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530).
- Khai thác và thu gom than cứng (0510).
- Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại (2592).
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (0990).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933).
- Sửa chữa máy móc thiết bị (3312).
- Khai thác quặng sắt (mã 0710).
- Khai thác và thu gom than bùn (0892).
- Xây dựng nhà các loại (4100).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)
- Hoàn thiện công trình xây dựng (4330).
- Vận tải hàng hóa đường sắt (4912).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229).
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (2591).
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (2593).
- Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng (2824).
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (3311).
- Sửa chữa thiết bị điện (3314).
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (3313).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (3315).
- Sửa chữa thiết bị khác (3319).
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520).

*Đức*



- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (4542).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (1104).
- Phá dỡ (4311).
- Chuẩn bị mặt bằng (4312).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (5610).
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (7721).
- Điều hành tua du lịch (7912).
- Giáo dục thể thao và giải trí (8551).
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật (8552).
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (9311).
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (9329).
- Lắp đặt hệ thống điện (4321).
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (3320).
- Sản xuất chuyển tải và phân phối điện (chi tiết: Quản lý vận hành đường dây tải điện, trạm biến áp đến 110 KV (3510).
- Hoạt động tư vấn quản lý (chi tiết: Tư vấn quản lý dự án đầu tư, tư vấn lựa chọn nhà thầu (7020).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điều khiển công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình khai thác mỏ; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật (7110).
- Thoát nước và xử lý nước thải (chi tiết: quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải (3700).
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (mã ngành 7120).

**3.2. Địa bàn hoạt động chính:** Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý**

- Mô hình tổ chức của Công ty là mô hình Công ty cổ phần, gồm: Đại hội đồng cổ đông; HĐQT gồm 5 thành viên; Ban kiểm soát có 3 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông; Ban Giám đốc Công ty có 05 người (01 Giám đốc, 03 Phó giám đốc điều hành, 01 Kế toán trưởng) do HĐQT Công ty bổ nhiệm.





Công ty có 14 phòng chức năng, 01 ban quản lý dự án hầm lò, 01 trạm y tế; 20 đơn vị sản xuất (10 Công trường, phân xưởng sản xuất than lộ thiên; 10 công trường khai thác than hầm lò).

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, trong đó:

- Sản xuất hàng năm của Công ty thực hiện theo kế hoạch SXKD giai đoạn năm (2016-2021) theo nguyên tắc sử dụng tối đa nguồn lực về tài nguyên, tiền vốn, thiết bị, lao động, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo hài hoà lợi ích của Tập đoàn và của Công ty.

- Mục tiêu, nhiệm vụ xuyên suốt quá trình điều hành kế hoạch kinh doanh năm (2016-2021) của Công ty là vừa phải khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng thành công dự án khai thác than hầm lò, đảm bảo tuyệt đối an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, ổn định việc làm và đời sống người lao động.

## 6. Các rủi ro chính

**6.1. Huy động vốn:** Dự án khai thác than hầm lò có tổng giá trị đầu tư là 5.300 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm cả lợi nhuận chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2019 là 457 tỷ đồng. Do đó, Công ty cần huy động vốn từ các nhà đầu tư hoặc vay thương mại của các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

**6.2. Nguồn nhân lực:** Việc chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất của Công ty từ khai thác lộ thiên sang khai thác than hầm lò là chưa có tiền lệ, Công ty phải đối mặt với việc dư thừa lao động lộ thiên, thiếu lao động sản xuất than hầm lò.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

### 1. Một số chỉ tiêu SXKD chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bóc xúc đất SX	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	4.725	6.100	6.125	130	100
2	Đào lò	Mét	13.000	12.300	12.350	95	100
-	XDCB	"	4.400	3.800	3.557	81	94
-	CBSX	"	8.600	8.500	8.793	102	103



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
*	Mét lò neo	"	6.500		4.265	66	
3	Than nguyên khai	10 <sup>3</sup> Tấn	1.300	1.350	1.360	105	101
-	Lộ thiên	"	450	800	801	178	100
-	Hầm lò	"	850	550	558	66	102
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	1.723	1.767	1.963	114	111
-	Than sạch từ than NK	"	1.123	1.167	1.214	108	104
-	Sản phẩm ngoài than	"	600	600	749	125	125
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	1.723	1.770	1.902	110	107
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.296	1.110,8	1.051	81,1	94,6
7	Doanh thu tổng số	"	2.276	2.319	2.448	108	106
8	Lợi nhuận tổng số	"	25,4	36,3	59,5	234	164
9	Lao động định mức	Người	3.250		2.778	85	
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	12.601		13.181	105	
11	Cổ tức	%	5		6	120	

\* Đánh giá kết quả SXKD, HĐQT nhận định: Năm 2019, là năm thứ 05 Công ty giảm sản lượng khai thác than lộ thiên, triển khai dự án khai thác than hầm lò. Do đó, Công ty còn gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, thiết bị xe máy qua nhiều năm sử dụng đã quá cũ, chưa được đầu tư mới để thay thế... song với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2019 Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định, bảo tồn và phát triển nguồn vốn SXKD.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ/ chức vụ	Số CP năm giữ
1	Ngô Thế Phiệt	01/04/1968	P. Bạch Đằng, Hạ Long, Q Ninh	Kỹ sư khai thác mỏ, Giám đốc	0
2	Nguyễn Tuấn Dũng	06/12/1968	P. Hồng Hải, Hạ Long,	Kỹ sư khai thác mỏ, Phó Giám	4.541



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ/ chức vụ	Số CP năm giữ
			Quảng Ninh	đốc	
3	Trần Quốc Tuấn	22/08/1968	P. Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư khai thác mỏ, Phó Giám đốc	
4	Phạm Bá Tước	06/10/1978	P. Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư khai thác mỏ, Phó Giám đốc	
5	Nguyễn Xuân Phùng	12/03/1979	P. Cao Thắng Hạ Long, Quảng Ninh	Ths Điện khí hóa mỏ	
6	Trương Thúy Mai	10/6/1976	P. Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	Cử nhân kế toán, Kế toán trưởng Công ty	2.118

### 2.2. Những thay đổi trong Lãnh đạo điều hành Công ty:

Ông Nguyễn Xuân Phùng được HĐQT Công ty bổ nhiệm giữ chức vụ từ ngày 02/05/2019.

### 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số CBCNV của Công ty tính đến 31/12/2019 là: 2.969 người; trong đó: Bộ máy quản lý gián tiếp: 350 người, công nhân là: 2619 người.

- Trong năm, Công ty bố trí đủ việc làm cho người lao động; tiền lương, thu nhập của người lao động ổn định, đạt cao hơn kế hoạch đặt ra.

### 3. Tình hình thực hiện công tác đầu tư

Năm 2019, Kế hoạch đầu tư xây dựng của Công ty được: (i) TKV thông qua tại văn bản số: 6819/TKV-ĐT ngày 26/12/2018;... Số 5292/TKV-ĐT ngày 22/10/2019; (ii) Được HĐQT Công ty thông qua tại quyết định số 957/QĐ-VNBC ngày 31/01/2019 ... và Quyết định số 9374/QĐ-VNBC ngày 01/11/2019. Triển khai thực hiện kế hoạch nêu trên, Công ty đã cơ bản hoàn thành công tác ĐTXD năm 2019 theo yêu cầu thực tế đặt ra, cụ thể:

DVT: Tr.đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh%	Ghi chú
I	Trả nợ khối lượng năm trước	46.590	46.590	100	
1	Xây dựng	18.790	18.790	100	
2	Thiết bị	10.261	10.261	100	





STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh%	Ghi chú
3	Chi phí khác	17.539	17.539	100	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch năm</b>	<b>1.064.211</b>	<b>1.004.334</b>	<b>94,37</b>	
1	Xây dựng	367.100	342.355	93,26	
2	Thiết bị	633.422	608.301	96,03	
3	Chi phí khác	63.689	53.678	84,28	
*	<b>Tổng số (I+II)</b>	<b>1.110.801</b>	<b>1.050.924</b>	<b>94,61</b>	

#### 4. Tình hình tài chính.

##### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.133.724.592.421	3.602.416.329.074	14,96
Doanh thu thuần	2.164.067.787.098	2.434.694.670.329	12,51
Lợi nhuận từ hoạt động KD	107.253.407.416	60.104.162.870	-43,96
Lợi nhuận khác	3.824.058.097	-554.802.592	-114,51
Lợi nhuận trước thuế	111.077.465.513	59.549.360.278	-46,39
Lợi nhuận sau thuế	86.996.418.378	34.064.558.387	-60,84
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	6%	

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh/ (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,80  0,16	0,61  0,06	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,83  5,23	0,86  6,76	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	  3,03 0,69	  3,05 0,68	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			



+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,028	0,009	
+ Hệ số Lợi nhuận từ SXKD/DT thuần	0,05	0,025	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**5.1. Cổ phần:** Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 36.999.124 cổ phần; Số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 36.999.124 cổ phần; Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.

**5.2. Cơ cấu cổ đông:** Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 18/03/2020.

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỉ lệ %	Ghi chú
<b>A</b>	<b>TỔ CHỨC</b>	<b>26</b>	<b>27.328.896</b>	<b>73,86</b>	
1	Trong nước	16	25.063.018	67,74	
2	Nước ngoài	10	2.265.878	6,12	
<b>B</b>	<b>CÁ NHÂN</b>	<b>1.681</b>	<b>9.670.228</b>	<b>26,14</b>	
1	Trong nước	1.609	9.142.140	24,71	
2	Nước ngoài	72	528.088	1,43	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.707</b>	<b>36.999.124</b>	<b>100</b>	

Hiện nay Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam là cổ đông lớn của Công ty. Ngày 01/03/2018, TKV đã thực hiện giao dịch mua 4.476.509 cổ phiếu NBC, nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phần từ 52,9% lên 65%.

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu:

Trong năm, Công ty không thay đổi vốn điều lệ. Vốn chủ sở hữu của Công ty tính bao gồm cả lợi nhuận chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2019 so với thời điểm 31/12/2018 giảm 37,9 tỷ đồng là do lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 giảm 53 tỷ so với năm 2018 (87 tỷ đồng).

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty hoạt động SXKD trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thực hiện khai thác than trên cơ sở giấy phép khai thác khoáng sản được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp;

- Công ty sử dụng các nguồn nguyên vật liệu tiết kiệm hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- Dầu Diezen: 8857,44 Tấn;

- Xăng: 56,08 Tấn;



- Điện năng: 29.866.007 kWh

b) Các giải pháp và kết quả đạt được

STT	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đã áp dụng	Mục đích của giải pháp	Kết quả đạt được
1	Giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	Giúp cho mọi người nhận thức được cần phải sử dụng tiết kiệm năng lượng	- Mức tiết kiệm năng lượng: 22.502 kWh, đạt 0,1 (%) - Tiết kiệm chi phí: 36,3 triệu đồng
2	Giải pháp thay đèn huỳnh quang chiếu sáng PX SCO, VTI, VT3, PX MM bằng đèn Led	Đảm bảo ánh sáng cho các phân xưởng tiết kiệm năng lượng	- Mức tiết kiệm năng lượng: 11.251 kWh, đạt 0,05 (%) - Tiết kiệm chi phí: 18,14 triệu đồng.

### 6.3. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp: Nước máy của thành phố Hạ Long: 130.113 m<sup>3</sup>
- Lượng nước tái chế và sử dụng: 78.174 m<sup>3</sup>
- Lượng nước sử dụng trung bình ngày: 570,6m<sup>3</sup>

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Không.
- Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Không
- Công ty luôn thực hiện theo đúng, đủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như: Quan trắc môi trường định kỳ, trồng cây xanh, phun sương dập bụi, xây dựng các công trình môi trường, quản lý chất thải nguy hại... theo đúng ĐTM đã được phê duyệt.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn tuân thủ thực hiện đúng quy định của pháp luật về chính sách đối người lao động: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, thực hiện chế độ nghỉ phép, nghỉ dưỡng sức, thăm quan nghỉ mát, nâng lương nâng bậc hàng năm...

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao (nêu tại mục 1 phần II), Ban Giám đốc Công ty đánh giá một số lĩnh vực hoạt động chính của Công ty trong năm 2019 như sau:

#### 1.1. Công tác truyền thông, giáo dục

Hệ thống chính trị của Công ty đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng cho người lao động hiểu rõ và chia sẻ với khó khăn chung của Tập đoàn và Công ty, đặc biệt là người lao động đã có chuyển biến tích cực về tinh thần chuyển đổi từ lộ thiên sang hầm lò; Công ty đã thực hiện tốt quy chế dân



chủ, nắm bắt tâm tư nguyện vọng, diễn biến tư tưởng của người lao động từ đó có các giải pháp giải quyết kịp thời, phù hợp các kiến nghị của người lao động nên đã giữ vững được an ninh chính trị nội bộ.

## **1.2. Công tác điều hành sản xuất, tiêu thụ**

### **a) Điều hành sản xuất**

- Giám sát, đôn đốc xử lý sạt lở các đai tầng khu vực khai thác lộ thiên góp phần đảm bảo an toàn cho việc thi công các đai tầng dưới, mở rộng được giới hạn khai thác tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác các năm tiếp theo.

- Sắp xếp diện đồ thải hợp lý, đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty và các đơn vị trong vùng (Hà Tu, Hà Lâm). Triển khai đôn đốc các đơn vị thi công hoàn chỉnh xong sớm các hạng mục PCTT-TKCN năm 2019 nên đã góp phần giảm thiểu tối đa thiệt hại do mưa bão gây ra.

- Thi công khoanh vùng lò chợ khu IV vỉa 10, khoanh vùng lò chợ CGH 21103, hoàn thiện bunke -140 phục vụ vận tải than lò chợ 41103, 41104, hoàn thiện lò chứa nước mức -230 phục vụ thoát nước khi khai thác lò chợ và đào lò khu I, khu II vỉa 11 trong thời gian hầm trạm bơm chính mức -350 chưa đưa vào hoạt động.

- Chuyển diện lò chợ khu III vỉa 11 xuống khu III vỉa 10 đảm bảo lò chợ hoạt động ổn định.

- Thuê ngoài đào lò bằng máy Combai kết hợp đào chống bằng vì neo đào lò khoanh vùng lò chợ 21104.

- Khoanh vùng hoàn thiện lò chợ CGH 21103, đào khoanh vùng hoàn thiện các lò chợ GX 11103 khu I vỉa 11, lò chợ 31104 khu I vỉa 11, lò chợ 41001, 41002 khu IV vỉa 10 chuẩn bị chuyển diện cho lò chợ giá xích.

- Lắp đặt hoàn thiện hệ thống đầu tàu Diezen kết hợp ray nền răng cưa mức -140/-210 phục vụ vận chuyển và lắp đặt lò chợ CGH 21103, vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất hầm lò.

- Áp dụng công nghệ xe khoan máy xúc đào các đường lò đá tiết diện lớn khu vực -350, đưa công nghệ đào lò bằng máy Combai kết hợp đào chống bằng vì neo áp dụng trong công ty đẩy nhanh tiến độ đào lò, nâng cao năng suất lao động.

b) Điều hành tiêu thụ: Căn cứ kế hoạch SXKD năm, hàng tháng Công ty cân đối sản xuất, chế biến, đăng ký kế hoạch tiêu thụ than với Tập đoàn theo kế hoạch. Cả năm than tiêu thụ đạt 1.902 nghìn tấn, đạt 110,4% kế hoạch giao đầu năm, đạt 107,4% kế hoạch điều chỉnh.

## **1.3. Quản lý kỹ thuật công nghệ**

### **a) Thực hiện các chỉ tiêu công nghệ**

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Công ty đã xây dựng chương trình tiết giảm chi phí trong SXKD, trong đó có giải pháp tiết kiệm các chỉ tiêu công nghệ, tuy nhiên trong quá trình thực hiện do cơ cấu sản lượng than lộ thiên/hầm lò thay đổi so với kế hoạch đầu năm, vì vậy các chỉ tiêu công nghệ thay đổi như sau:

- Hệ số bóc đất đá: Thực hiện 7,65 m<sup>3</sup>/tấn, đạt 72,8% kế hoạch đầu năm và bằng 100,3% kế hoạch điều chỉnh.



- Cung độ vận chuyển đất đá: Thực hiện 1,610 Km, đạt 94,97% kế hoạch (Tiết kiệm được 85m).

- Đào lò tổng số: Thực hiện 12.350,3 m, đạt 95,0% kế hoạch đầu năm và bằng 100,4% kế hoạch điều chỉnh (trong đó: XDCB 3.557,4 m, bằng 80,8% kế hoạch đầu năm, bằng 93,6% kế hoạch điều chỉnh; CBSX 8.792,9 m, bằng 102,2% kế hoạch đầu năm, bằng 103,4% kế hoạch điều chỉnh).

b) Quản lý kỹ thuật

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Tập đoàn, Đại hội cổ đông giao, đảm bảo an toàn.

- Thường xuyên cập nhật tiến độ các đường lò, điều kiện địa chất đường lò cung cấp tài liệu kịp thời cho các đơn vị sản xuất, thi công triển khai các phương án sản xuất. Với tinh thần phát huy nội lực về cơ bản CBNV đã nắm bắt và chủ động được các công việc trắc địa trong lò để tổ chức thực hiện.

c) Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng

- Đã cơ bản giải quyết xong việc bồi thường GPMB, mở rộng tối đa biên giới khai trường V11, V14. Giá trị thực hiện bồi thường, hỗ trợ năm 2019 khoảng 1,2 tỷ đồng.

- Đã tích cực phối hợp với UBND phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung giải quyết các kiến nghị của nhân dân, hỗ trợ sửa chữa nhà, công trình, cây cối hoa màu do ảnh hưởng của khai thác than. Trả lời kịp thời các đơn thư kiến nghị của dân, không để tồn đọng, phát sinh các kiến nghị kéo dài, gây bức xúc trong nhân dân.

d) Công tác môi trường: Khai trường Công ty nằm tiếp giáp với khu dân cư sinh sống, vì vậy công tác bảo vệ môi trường cũng yêu cầu khắt khe hơn, nhằm giảm thiểu tối đa việc ảnh hưởng từ quá trình khai thác đến môi trường xung quanh, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện đáng kể môi trường sản xuất như: Phối hợp cùng đơn vị tư vấn tiến hành quan trắc môi trường định kỳ; lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi khu vực kho than mức +15; Xây dựng bể thu gom, xử lý nước thải nhiễm dầu khu vực PX SCO, khu vực mặt bằng +35; trồng cây ngăn bụi, tạo cảnh quan môi trường khu vực giáp khu dân cư tổ 7 khu 9 phường Hà Tu, khu vực mặt bằng +35 Trung tâm ĐHSX; Phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo điều chỉnh; Thuê Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV để xử lý nước thải công nghiệp, thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH; Thuê Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển môi trường đô thị Quảng Ninh thu gom, vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt.

**1.4. Công tác áp dụng tin học hóa, tự động hóa**

Thực hiện Chỉ thị số 143/CT-TKV ngày 18/7/2017 của Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV về việc: Thực hiện đẩy mạnh áp dụng tin học hóa, tự động hóa; Công văn số 3455/TKV-KCL ngày 24/7/2017 của Tập đoàn TKV về việc: Hướng dẫn xây dựng chương trình hành động về tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động SXKD của TKV giai đoạn 2017 ÷ 2020 tầm nhìn đến năm 2030, ngoài những hạng mục đã hoàn thành đưa vào sử dụng những năm trước đây, năm 2019 Công ty đã: (i) Đưa vào sử dụng hệ thống Camera IP giám sát trong hầm lò và ngoài khai trường hiện



tại Công ty đã lắp 128 Camera ngoài khai trường (trong đó có 05 Camera 360<sup>0</sup>); 80 Camera trong hầm lò; (ii) Lắp đặt hệ thống điều khiển giám sát trạm quạt gió chính các thông số đã được chuyển về theo dõi tại phòng Điều khiển sản xuất. Ngoài ra việc lắp đặt hệ thống trên còn giảm được 03 lao động; (iii) Trang bị 1 máy hàn lưới neo (bán tự động) cho Phân xưởng Máy mỏ để phục vụ hàn lưới neo. Việc hàn lưới neo bằng máy hàn bán tự động đã giảm lao động xuống chỉ còn 02 lao động và không phải chi phí que hàn cho việc hàn lưới mà vẫn đáp ứng cho sản xuất; (iv) Lắp đặt hệ thống điều khiển các tuyến băng tải chính (07 tuyến băng +01 bun ke) và giám sát khí mỏ tập trung tại trung tâm điều hành sản xuất; (v) Lắp đặt hoàn thiện hệ thống điều khiển giám sát tập trung đối với trạm bơm nước giếng phụ mức -140; (vi) Lắp đặt hoàn chỉnh 01 hệ thống tự động hóa tời hỗ trợ người đi bộ.

### **1.5. Quản trị chi phí**

- Trên cơ sở Kế hoạch SXKD được đại hội cổ đông thông qua, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp quản lý, điều hành nhằm tiết kiệm chi phí, đảm bảo hiệu quả SXKD, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động như: Ban hành mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh; ban hành kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh; Triển khai giao khoán chi phí sản xuất; giao khoán quản trị công nghệ và chi phí sản xuất kinh doanh, ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với Trưởng phòng, Quản đốc....; Hàng tháng rà soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, cân đối lại năng lực, hiệu quả kinh doanh, phân tích những việc đã làm được, các vấn đề còn tồn tại, các nguy cơ rủi ro trong SXKD đề ra phương hướng điều hành sản xuất kinh doanh cho những tháng tiếp theo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát giá trị mua và hạn mức tồn kho vật tư đảm bảo không vượt chi phí và hạn mức tồn kho Tập đoàn TKV và Công ty giao khoán ( $\leq 6\%$  giá trị vật tư sử dụng trong năm); thực hiện quản lý tốt dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và hệ số bảo toàn vốn dự kiến cả năm đều đảm bảo theo kế hoạch tài chính đã ký với Tập đoàn.

### **1.6. Lao động và việc làm**

#### **a) Lao động:**

- Lao động đầu kỳ năm 2019 là 2.658 người, tăng trong kỳ 572 người, giảm trong kỳ 261 người, lao động cuối kỳ là 2.969 người.

- Tuyển dụng lao động: Ngay từ đầu năm, Công ty đã rà soát, kiện toàn lại các văn bản pháp lý về tuyển dụng lao động và công khai phổ biến rộng rãi theo quy định. Với quan điểm chỉ đạo chung là hạn chế tối đa việc tuyển dụng lao động quản lý, phục vụ phụ trợ để giảm sức ép về lao động, sau khi kết thúc khai thác lộ thiên; ưu tiên tuyển dụng lao động quản lý, chỉ huy sản xuất, công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, trình độ về nghề mỏ hầm lò.

Trong năm, Công ty thực hiện tuyển mới, tiếp nhận học sinh ra trường, tiếp nhận lại là: 572 người; trong đó:

+ Tuyển dụng mới là: 572 người/kế hoạch trình HĐQT Công ty 676 người, bằng (=) 84,6% (chủ yếu phục vụ cho sản xuất chính hầm lò đang có nhu cầu rất lớn); trong đó: Tiếp nhận và sắp xếp việc làm cho học sinh học nghề kỹ thuật



khai thác mỏ hầm lò ra trường của Công ty là: 269 người. Tổng lao động có trình độ Đại học trở lên: 51 người; Cao đẳng: 14 người; Trung cấp: 18 người; CNKT: 489 người.

+ Tiếp nhận lại: 01 người hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về.

- Về quản lý lao động: Ngoài việc rà soát và kiện toàn các văn bản pháp lý, Công ty đã tăng cường các biện pháp quản lý và kiểm tra, thường xuyên nhắc nhở, duy trì nghiêm kỷ luật lao động, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm kỷ luật nội quy lao động nên đã duy trì nề nếp, tác phong công nghiệp và nâng cao được ý thức của người lao động. Trong năm 2019, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người; xử lý kỷ luật 08 vụ, khiển trách 18 người (trong đó: Cán bộ 09 người), kéo dài thời hạn nâng lương 6 tháng: 05 người (trong đó: cán bộ 02 người)

Thực hiện Chỉ thị số: 102/CTLT/TGD-CĐTKV ngày 25/5/2017 của Tổng Giám đốc và Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu lao động năm 2019; Trong năm, Công ty thực hiện tiết giảm lao động là: 266 người; trong đó:

+ Giám tuyệt đối: 261 người (nghỉ hưu trước tuổi và đủ tuổi: 12 người; chấm dứt HĐLĐ: 244 người, đi nghĩa vụ quân sự: 05 người).

+ Sắp xếp chuyển đổi từ lộ thiên sang sản xuất hầm lò được: 05 người.

- Thực hiện Quyết định 501/QĐ-TKV ngày 30/3/2018 của Hội đồng Thành Viên TKV về thông qua Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn năm 2017 ÷ 2020: Năm 2019, Công ty đã Thành lập mới Công trường Đào lò số 5 từ ngày 11/3/2019 và thuê ngoài 01 đơn vị đào lò.

b) Về việc làm: Năm 2019, mặc dù sản lượng khai thác của Công ty tiếp tục giảm so với các năm trước, song bằng nhiều các giải pháp hữu hiệu, ưu tiên và tìm mọi biện pháp để sắp xếp bố trí việc làm cho người lao động, nên trong năm, Công ty đã cân đối đủ việc làm và bố trí thời gian nghỉ bù, nghỉ tuần cho người lao động theo đúng quy định.

### ***1.7. Thu nhập, đời sống và giải quyết chế độ cho người lao động***

Các giải pháp đề ra đối với thu nhập và đời sống người lao động đã được Công ty chú trọng tổ chức thực hiện đầy đủ. Đó là:

- Tăng cường công tác quản lý định mức NSLĐ, tiền lương, giao khoán tiền lương đảm bảo phù hợp với quy định của Nhà nước, Tập đoàn và mang lại hiệu quả trong SXKD cho Công ty.

- Sử dụng quỹ tiền lương hợp lý để khuyến khích công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, công nhân theo dây truyền công nghệ, viên chức có năng lực giỏi và người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm, mang lại năng suất, an toàn và hiệu quả cao cho SXKD của Công ty.

- Giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định như: Thực hiện tiêu chuẩn ăn giữa ca; chế độ ăn định lượng; chế độ bồi dưỡng nặng nhọc độc hại; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, dụng cụ đồ nghề làm việc; thanh toán đầy đủ các chế độ thai sản, giờ sửa...; nâng bậc và hệ số lương cho CBCNLD theo đúng chế độ, quy định; giải quyết cho 12 CBCN nghỉ hưu.



- Trong năm, Công ty đã tổ chức cho 51 đoàn CBCNLD đi tham quan du lịch với tổng số người là 1.857 người. Tổ chức cho người lao động được nghỉ tuần 16 đợt, tổng số người nghỉ là 479 người (trong đó có 04 đoàn gia đình thợ lò tiêu biểu). Lao động nghỉ mát và hỗ trợ điều trị năm 2019 là 179 lao động.

- Tăng cường quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường trong Công ty; Tổ chức quản lý điều hành nấu ăn công nghiệp, cấp phát bồi dưỡng độc hại, sản xuất bánh mì, sản xuất cấp phát nước uống cho CBCNLD đúng đủ thực đơn đảm bảo an toàn vệ sinh lao động an toàn vệ sinh thực phẩm; Tổ chức phục vụ ăn công nghiệp và định lượng cho công nhân tại nhà ăn khu trung tâm điều hành sản xuất bằng phương pháp tự chọn tương đối thành công.

- Toàn bộ người lao động được khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám sức khỏe định kỳ 02 lần trong năm, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định và yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn, qua đó đã phát hiện các trường hợp người lao động mắc bệnh và đề nghị cấp sổ bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

- Tiếp tục duy trì phong trào hoạt động Văn hoá - Thể thao nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho người lao động. Công ty đã tổ chức thành công các môn thi đấu truyền thống như: Cờ vua, Cờ tướng, Kéo co nữ,...; tổ chức cho các đội tuyển của Công ty luyện tập, tham gia các giải bóng bàn, cầu lông, tennis của Tập đoàn tổ chức, kết quả nhiều giải Công ty đã đạt được thành tích cao.

- Thu nhập tiền lương bình quân theo định mức năm 2019 là 13,181 triệu đồng/người.tháng, đạt 105% kế hoạch đề ra.

### **1.8. Công tác an sinh xã hội**

Trong năm Công ty đã tạo việc làm ổn định cho người lao động, góp phần vào công tác an sinh xã hội tại địa bàn, nơi Công ty hoạt động; đã chi 3,8 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội từ nguồn quỹ phúc lợi, tương trợ với các nội dung thăm hỏi gia đình chính sách, gia đình khó khăn, gia đình bị TNLD; Đóng góp quỹ người nghèo với địa phương, tỉnh; Ủng hộ các quỹ đền ơn đáp nghĩa; Giúp đỡ các phường, các đơn vị quân đội,...

### **1.9. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực**

Trong năm, Công ty đã hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ và xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển để đáp ứng kịp thời yêu cầu của quản lý; đào tạo, bồi dưỡng trên 1000 lượt cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật đi học các lớp bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng các chuyên đề do Tập đoàn TKV và các đơn vị ngoài Tập đoàn TKV đào tạo, bồi dưỡng với tổng kinh phí trên 3,3 tỷ đồng trong đó đào tạo lại chuyển đổi nghề hầm lò 64 người với kinh phí trên 219 triệu đồng.

### **1.10. Công tác An toàn-an ninh**

#### **a) Công tác An toàn - PCCN**

- Trong năm Công ty đã ban hành Nghị quyết liên tịch về việc thực hiện công tác AT-VSLĐ năm 2019 giữa Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTN Công ty; Đã chỉ đạo, triển khai làm tốt việc cá nhân người lao động đăng ký cam kết thực hiện nhiệm vụ AT-VSLĐ-PCCN năm 2019 với đơn vị; các đơn vị ký cam



kết thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo AT-VSLĐ-PCCN năm 2019 với Giám đốc Công ty; đặc biệt quan tâm chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra đôn đốc công tác cảnh báo, dự báo đề phòng tai nạn, sự cố rủi ro có khả năng xảy ra trong sản xuất.

- Công tác tự kiểm tra AT-VSLĐ tại các đơn vị sản xuất đã được tự giác thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực, đã thực hiện nghiêm Chỉ thị số 130/CT-VNBC ngày 05/01/2018 của Giám đốc Công ty về việc: Triển khai nhận dạng các nguy cơ gây mất an toàn trong sản xuất của mình; từ thực tế sản xuất và đặc điểm riêng của từng đơn vị, tự đề ra các biện pháp phòng ngừa sát thực, phổ biến tới toàn thể CBCNV hiểu biết, cùng thực hiện.

- Công tác huấn luyện AT-VSLĐ được thực hiện đúng quy định, duy trì công tác huấn luyện an toàn 3 bước, thực hiện việc huấn luyện an toàn cho 06 nhóm lao động theo quy định tại Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính Phủ; Xây dựng phương án chữa cháy năm 2019 được phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Quảng Ninh phê duyệt; Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật an toàn - Bộ Công Thương xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro trong Công ty.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục đã được quan tâm làm tốt, tổ chức lễ phát động "Tháng hành động công tác AT-VSLĐ năm 2019" và duy trì thực hiện thành công trong cả năm.

- Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác AT-VSLĐ của Công ty vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục như: Ý thức chấp hành nội quy an toàn của một bộ phận cán bộ công nhân chưa cao, còn vi phạm quy trình, quy phạm gây thiệt hại kinh tế; mạng lưới an toàn vệ sinh viên chưa phát huy hết vai trò và tác dụng của hệ thống; việc ghi chép sổ sách theo dõi, quản lý công tác AT-VSLĐ của một số đơn vị chưa được chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu quản lý, công tác dự báo, cảnh báo các nguy cơ tai nạn sự cố trong ca cần phải làm tốt hơn nữa...

- Các vụ TNLĐ: Trong năm vẫn còn để xảy ra 36 vụ TNLĐ, trong đó có 26 vụ TNLĐ nặng phải đăng ký giám định thương tật cho người lao động; 02 vụ sự cố thiết bị do lỗi của người lao động chủ quan, vi phạm quy định an toàn (đều xảy ra với thiết bị lộ thiên).

- Các vụ vi phạm: Có 26 người vi phạm quy định an toàn sản xuất, phải học lại an toàn và kiểm điểm vi phạm, với số ngày công học lại là 74 công.

#### b) Công tác An ninh trật tự

- Với đặc điểm khai trường nằm sen kẽ các cụm dân cư của các phường trên địa bàn, công tác giữ gìn an ninh trật tự luôn được Công ty quan tâm, chủ động xây dựng các phương án bảo vệ nội bộ, bảo vệ ANTT cho hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó đã ban hành các chỉ thị, văn bản như chỉ thị về quản lý và sử dụng pháo; chỉ thị về tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới; phương án phối hợp bảo vệ ANTT, an toàn trong quá trình giao, nhận và vận chuyển than tiêu thụ; phương án bảo vệ ANTT và quản lý tài nguyên ranh giới mỏ; kiện toàn lại 05 cụm tự quản ANTT, an toàn, PCCN gồm các đơn vị trong Công ty và các đơn vị hợp đồng kinh tế hoạt động trong khai trường mỏ; kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện ô tô, xe máy ra vào khai trường mỏ....Kết quả trong năm Công ty đã lập trên 30 biên bản xử lý các



đối tượng vào khai trường trộm cắp than, tài sản; tạm giữ và bàn giao cho Công an phường Hà Tu, Hà Trung 15 chiếc xe máy vi phạm khai trường mỏ..

- Công ty đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Công an thành phố Hạ Long và Công an phường Hà Tu bắt giữ và truy tố 01 đối tượng vào khai trường mỏ trộm cắp tài sản của Công ty; phối hợp với Công an phường Hà Tu lập hồ sơ đề nghị truy tố 03 đối tượng đang tạm trú tại Tổ 1, Khu 7 - phường Hà Tu thường vào khai trường của Công ty để trộm cắp tài sản; Phối hợp với UBND phường Hà Tu lập biên bản đưa xử lý và đưa về UBND thành phố Hạ Long tạm giữ 01 phương tiện vi phạm và 08 tấn kẹp xít lẫn than.

**1.11. Công tác Đầu tư và XDCB:** Trình bày ở mục 3 phần II.

**1.12. Công tác Kế toán Thống kê Tài chính**

- Công tác Kế toán: Tổ chức hạch toán kế toán chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật kế toán và các văn bản pháp quy có nội dung điều chỉnh phạm vi hoạt động, các luật thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành luật đang có hiệu lực thi hành, và các văn bản: Điều lệ tổ chức và hoạt động, các nội quy, quy chế do TKV và Công ty ban hành. Công ty đã thực hiện tốt việc thu thập, ghi chép, phản ánh và xử lý toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo chứng từ, sổ sách minh bạch, rõ ràng. Hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm lập báo cáo tài chính đảm bảo yêu cầu về chất lượng và thời gian theo quy định, phục vụ công bố thông tin kịp thời.

- Công tác Thống kê:

+ Bộ máy thống kê trong Công ty từ phân xưởng đến phòng ban đã thực hiện tốt vai trò, chức năng của mình: bám sát các chỉ tiêu theo kế hoạch thông báo hướng dẫn của Công ty để cập nhật số liệu kịp thời phục vụ tốt cho việc lập các báo cáo định kỳ theo quy định.

+ Kiểm tra tính hợp lý, lô gíc của chứng từ thống kê, đảm bảo số liệu thống kê tổng hợp của Công ty trùng khớp hợp với số liệu thống kê chi tiết của các công trường, phân xưởng. Phối kết hợp nhịp nhàng với các phòng ban chức năng trong công ty tổ chức kiểm tra, lập báo cáo thống kê theo đúng và trước thời gian quy định, đảm bảo tính chính xác, trung thực.

- Công tác tài chính:

+ Công ty đang trong quá trình đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng dự án hầm lò với tổng mức đầu tư 5.300 tỷ đồng, nên việc thu xếp vốn cho dự án, kiểm soát các chỉ tiêu tài chính là đặc biệt quan trọng.

+ Công ty chủ động được nguồn tiền về từ doanh thu bán than, trên cơ sở đó cân đối thu chi tài chính hợp lý, đảm bảo sự hoạt động thông suốt, có hiệu quả của dòng tiền mà vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán. Quan hệ chặt chẽ đối với các tổ chức tín dụng để thu xếp đủ vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản, thanh toán với nhà nước, cấp trên, bạn hàng và người lao động.

+ Công ty luôn chủ động thanh toán các khoản nợ đến hạn. Chủ động kiểm soát chi phí lãi vay. Chủ động làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn đàm phán lãi suất vay phù hợp, điều chỉnh lãi suất linh hoạt. Thường



xuyên phân tích và kiểm soát các chỉ tiêu hoạt động tài chính, các chỉ số tài chính để công ty hạn chế các rủi ro trong công tác tài chính.

- Trong năm 2019 tổng số tiền giải ngân ĐTXD là 555,5 tỷ đồng, dư vay dài hạn 1.869 tỷ đồng, số dư hạn mức 437 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

+ Hệ số bảo toàn vốn: 1,11.

+ Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE): 7,4%.

+ Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA): 0,95%.

+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu: 6,89.

+ Hệ số thanh toán nợ đến hạn: 0,61.

- Về Công tác kế toán trên cơ sở chế độ kế toán của Nhà nước, Tập đoàn TKV và các chuẩn mực kế toán thực hiện tốt việc thu thập, ghi chép, phản ánh và xử lý toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo chứng từ, sổ sách minh bạch, rõ ràng phục vụ công bố thông tin đảm bảo chất lượng, thời gian quy định.

### **1.13. Công tác thanh tra giải quyết khiếu nại**

a) Công tác thanh, kiểm tra theo kế hoạch: Công ty đã tiến hành kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kiểm tra công tác tiền lương năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019; Kiểm tra công tác vật tư 06 tháng đầu năm 2019; Kiểm tra báo cáo tài chính quý I, II, III năm 2019,... Qua thanh, kiểm tra nhìn chung các đơn vị, phòng ban đã thực hiện nghiêm túc các Quy chế, Quy định của Công ty.

b) Công tác thanh, kiểm tra đột xuất: Trong năm 2019, Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân tổ chức 06 cuộc kiểm tra. Qua đó, nắm bắt tâm tư nguyện vọng chung của người lao động và kịp thời chấn chỉnh những vấn đề bất cập còn tồn tại.

c) Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại:

- Tổng số đơn tồn năm 2018 chuyển sang: Không

- Tổng số đơn nhận trong kỳ:

+ Đơn khiếu nại: Không.

+ Đơn tố cáo: Không.

+ Đơn mạo danh: Không.

+ Kiến nghị đền bù, GPMB: 44 kiến nghị đã giải quyết xong.

+ Kiến nghị về chế độ, chính sách, kỷ luật: Không.

d) Công tác tiếp dân: Vào ngày 15 và ngày 25 hàng tháng, Giám đốc Công ty chủ trì cùng Công đoàn, Phòng TP - BQ, Phòng TCLĐ, Phòng KCM, Văn phòng tổ chức tiếp công dân và giải quyết kịp thời các thắc mắc. Tuy nhiên, trong năm 2019 không nhận được lượt đăng ký nào gặp Giám đốc, chỉ có một số kiến nghị thắc mắc về chế độ đền bù, giải phòng mặt bằng đã được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

e) Công tác phòng chống tham nhũng: Ngay từ đầu năm 2019, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ thị về công tác phòng chống tham nhũng.



Kết quả, 100% CBCNLD được tuyên truyền về việc thực hiện Luật phòng chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **1.14. Công tác thi đua - Sáng kiến**

a) Thi đua: Trong năm, Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty đã quán triệt các văn bản của Trung ương, địa phương và Tập đoàn về công tác thi đua, khen thưởng tới CBCNLD Công ty. Qua đó, vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng đã có sự chuyển biến tích cực, rõ nét trong nhận thức của toàn thể CBCNLD Công ty. Công ty luôn luôn xác định công tác thi đua, khen thưởng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, có ý nghĩa thúc đẩy sản xuất phát triển. Thông qua đó đã giúp việc tốt cho Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty chỉ đạo phát động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, quần chúng, phát huy sức mạnh tập thể, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Công ty. Nội dung, hình thức tổ chức phong trào thi đua trong Công ty luôn phong phú, đa dạng gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị chung của Công ty.

- Thực hiện văn bản chỉ đạo của TKV về việc xây dựng quy định khen thưởng các cá nhân xuất sắc hàng tháng, hàng quý, cuối tháng 3 năm 2019 Công ty đã hoàn thiện xây dựng dự thảo quy định. Trước khi ban hành chính thức, dự thảo được gửi đến ban Giám đốc, các đơn vị, phòng ban, các tổ chức chính trị trong Công ty để tham gia, góp ý. Nội dung quy định xét thưởng nêu rõ tiêu chí khen thưởng giành cho các đối tượng cụ thể gồm: công nhân, nhân viên và cán bộ cấp đơn vị, phòng ban ở 4 khối thi đua: sản xuất than hầm lò, sản xuất than lộ thiên, khôi phục vụ, phụ trợ và khối phòng ban. Qua gần 1 năm thực hiện, công tác khen thưởng đã có nhiều đổi mới, đảm bảo chính xác, đúng đối tượng, tỷ lệ khen thưởng hướng tới người lao động trực tiếp, gương người tốt, việc tốt ngày càng được nâng lên.

- Trong năm qua, các phong trào thi đua của Công ty luôn hướng về các công trường, phân xưởng, tổ, đội, phù hợp với điều kiện của từng đơn vị. Kết quả: trong năm 2019, toàn Công ty có 2.304 CBCNLD đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; 295 CBCNLD đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 128 tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; 96 tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc; 55 tập thể và 222 cá nhân được Giám đốc Công ty tặng giấy khen; 910 CBCNLD được công nhận Lao động tiêu biểu tháng; 275 CBCNLD được công nhận Lao động tiêu biểu quý; 90 CBCNLD được công nhận Lao động tiêu biểu năm; 50 CBCNLD được đề nghị TKV công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua; 15 CBCNLD được đề nghị Ủy ban quản lý vốn Nhà nước công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua; 12 CBCNLD và 3 tập thể được đề nghị Chủ tịch Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tặng thưởng bằng khen; 02 CBCNLD được đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen...

b) Sáng kiến: Năm 2019, Công ty xét duyệt 292 sáng kiến và giải pháp hợp lý hoá sản xuất của các đơn vị và phòng ban, trong đó có 06 sáng kiến với giá trị làm lợi là khoảng 659 triệu đồng và 286 giải pháp hợp lý hóa sản xuất. Các sáng kiến, giải pháp đã và đang áp dụng vào thực tế phục vụ sản xuất góp phần tích cực giảm chi phí sản xuất cho Công ty.

## **2. Tình hình tài chính**





### 2.1. Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản (01/01/2019): 3.133.724.592.421 đ
- Tổng tài sản (31/12/2019): 3.602.416.329.074 đ
- Tài sản tăng trong năm 2019: 468.691.736.653 đ. Trong đó mức tăng chủ yếu tập trung vào các khoản mục hàng tồn kho; Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.
- Tài sản xấu ảnh hưởng đến SXKD: Không

### 2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả (01/01/2019): 2.637.823.960.713 đ
- Nợ phải trả (31/12/2019): 3.144.448.369.044 đ
- Nợ phải trả tăng trong năm 2019: 506.624.408.331 đ. Chủ yếu là do dư vay giải ngân thực hiện dự án hầm lò, phải trả người bán tăng.
- Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải trả, thường xuyên kiểm soát thời hạn thanh toán với khách hàng. Trong năm Công ty không để xảy ra tình trạng nợ phải trả quá hạn, tình hình tài chính của Công ty đủ đáp ứng được các khoản nợ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về công tác chỉ đạo: Công ty tiếp tục rà soát và thực hiện quyết định số 2095/QĐ-TKV ngày 25/9/2014 của TKV về việc bố trí, sắp xếp lại các phòng ban tham mưu thuộc các Công ty sản xuất than; Chỉ thị Liên tịch số 51 CTLT/TGD-CĐTKV ngày 22/3/2016 của Tổng giám đốc và Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động của TKV...;
- Về kết quả thực hiện: Công ty đã sắp xếp lại các phòng ban tham mưu đảm bảo số đơn vị phòng ban trong Công ty phù hợp với mô hình mẫu; thực hiện sửa đổi ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty và các quy định của pháp luật...

### 4. Kế hoạch SXKD năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Bóc xúc đất SX	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	7.000	
2	Đào lò	Mét	11.280	
-	XDCB	"	1.380	
-	CBSX	"	9.900	
*	Mét lò neo	"	6.500	
3	Than nguyên khai	10 <sup>3</sup> Tấn	2.000	
-	Lộ thiên	"	1.000	
-	Hầm Lò	"	1.000	
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	2.045	
-	Than sạch từ than NK	"	1.760	
-	Sản phẩm ngoài than	"	285	



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	2.045	
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.113	
7	Doanh thu than	"	2.342	
8	Lợi nhuận SXT	"	27	
9	Lao động định mức	Người	3.083	
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	13.584	
11	Cổ tức	%	≥ 3	

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:** Được trình bày ở mục 1 phần II)

#### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc**

Với vai trò được HĐQT giao trực tiếp điều hành hoạt động, Ban Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm thực hiện và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trên tất cả các lĩnh vực được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình;

- Công tác tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc..., được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán công trình được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định;

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;

- Tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty;



- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Tập đoàn, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đề ra.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT Công ty**

3.1. Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông, TKV giao; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo để đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng theo đúng kế hoạch.

3.2. Tiếp tục thực hiện đề án TCC đã được TKV và Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua; Sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

3.3. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

3.4. Giữ giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc. Quan tâm hơn nữa tới việc chăm lo cải thiện điều kiện ăn, ở, đi lại...cho người lao động.

3.5. Tổ chức công tác tuyên truyền, chủ động nắm bắt tư tưởng nguyện vọng của cán bộ đảng viên, CNLĐ trong Công ty đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước. Không để các đối tượng xấu lợi dụng lôi kéo, kích động hoặc tuyên truyền các nội dung không phù hợp làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty, ảnh hưởng đến ANTT chung trên địa bàn. Phát huy ứng dụng của hệ thống mạng xã hội trong năm bắt tư tưởng và đấu tranh phản bác các thông tin xấu, độc, các luận điệu xuyên tạc, bịa đặt của các đối tượng, thế lực thù địch, phản động kích động, chống phá.

## **IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng Quản trị**

#### **1.1. Về cơ cấu nhân sự... HĐQT**

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Trong năm 2019, nhân sự HĐQT Công ty không có sự thay đổi.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	0	0%
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	6.061	0,02%
4	Trần Quốc Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Trương Thúy Mai	Ủy viên HĐQT	2.118	0,01%



### 1.2. Các cuộc HĐQT:

Hội đồng Quản trị Công ty được giao lãnh đạo, quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 20 phiên họp chủ yếu trong 06 lĩnh vực quản lý, điều hành sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó phân ra:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Giám sát, quản lý điều hành SXKD...	14	3	4	4	3
2	Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò	11	2	4	4	1
3	Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ	15	3	6	3	3
4	Lao động tiền lương, chế độ chính sách...	11	5	1	4	1
5	Ban hành các quy chế quản lý nội bộ, tài chính	5	3	1		1
6	Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông, khác...	6	2	2	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>62</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>10</b>

(Chi tiết nội dung các cuộc họp của HĐQT được đề cập tại Báo cáo Quản trị Công ty năm 2019, được đăng trên hệ thống quản lý thông tin TTCK Việt Nam và Website của Công ty).

**1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban của HĐQT:** Không

### 2. Ban kiểm soát

#### 2.1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và có sự thay đổi nhân sự trong năm 2019.

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu	Tỷ lệ %
1	Chu Duy Hải	TBKS từ ngày 01/1/2019-31/10/2019	0	0
2	Vũ Thị Dung	TBKS từ ngày 01/11/2019 đến nay	0	0
3	Nguyễn Tiến Nhung	Ủy viên BKS	6.061	0,02%
4	Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên BKS	2.118	0.01%

#### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Năm 2019, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi quý 1 lần, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của



Ban kiểm soát. Các kỳ họp BKS đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích**

Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGD năm 2019: Dự kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr.đ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
<b>1</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>05</b>	<b>285,6</b>	-	<b>285,6</b>	
-	Chủ tịch HĐQT	01	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	04	220,8		220,8	
<b>2</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>03</b>	<b>461</b>	<b>351,0</b>	<b>110,0</b>	
-	TB kiểm soát	01	360,2	351,0	9,2	
-	UV Ban kiểm soát	02	100,8	-	100,8	
<b>3</b>	<b>Ban Giám đốc</b>	<b>5,7</b>	<b>2.364,0</b>	<b>2.364,0</b>	-	
	<b>Tổng số</b>	<b>13,7</b>	<b>3.110,6</b>	<b>2.715,0</b>	<b>395,6</b>	

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

**3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Trong năm 2019, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và của các cổ đông.


## **V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**

**1. Ý kiến của kiểm toán** (Trích ý kiến kiểm toán viên theo Công văn số 120319.006/BCTC.QN ngày 12/03/2019 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC):


“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



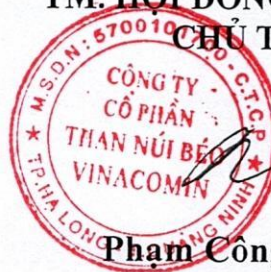
**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định và đã đăng tải báo cáo tài chính trên Website: [www.nuibeo.com.vn](http://www.nuibeo.com.vn).

Xin trân trọng cảm ơn./ 

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước (b/c);
  - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);
  - ĐK – CNTT (đăng Website Công ty);
  - HĐQT, BKS (ecopy);
  - GD, PGD, KTT (ecopy);
  - ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
  - Lưu: Văn thư, BKS, HĐQT (3).
- 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Công Hương**